

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KTN

Tây Sơn, ngày tháng năm 2021

V/v triển khai thực hiện Quyết định số
43/2021/QĐ-UBND ngày 05/8/2021
của UBND tỉnh Bình Định

Kính gửi:

- UBND các xã, thị trấn;
- Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- Các Phòng, ban, đơn vị liên quan.

Thực hiện Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh Bình Định về Ban hành Quy định chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Văn bản số 2401/HDLT-STC-SNNPTNT ngày 14/9/2021 của Sở Tài chính - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định về hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn yêu đề nghị Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các phòng, ban, đơn vị liên quan, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện một số dung sau:

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho Nhân dân trên địa bàn huyện về Chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ giai đoạn 2021 - 2025 của UBND tỉnh Bình Định và Hướng dẫn liên ngành Sở Tài chính - Sở Nông nghiệp và PTNT về thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ giai đoạn 2021 - 2025.

2. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện

- Chủ trì phối hợp UBND các xã, thị trấn, các cơ quan liên quan tổ chức triển khai chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ.

- Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện hướng dẫn, kiểm tra thực hiện ở các xã, thị trấn và đề xuất kinh phí hỗ trợ; theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND huyện về kết quả thực hiện chính sách.

- Phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện và các đơn vị liên quan xây dựng mô hình trình diễn chuyển đổi cây trồng cạn trên đất trồng lúa, trồng mía, trồng sắn; đào tạo, tập huấn về kỹ thuật sản xuất cho hộ sản xuất các nội dung liên quan đến chuyển đổi cây trồng, mùa vụ theo chương trình, kế hoạch khuyến nông hàng năm của huyện.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Theo kết quả thẩm định của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện (trên cơ sở tổng hợp kết quả thực chi hỗ trợ từng vụ, cả năm của UBND các xã, thị trấn) kiểm tra, tổng hợp trình UBND phê duyệt về kinh phí đối ứng.

- Tổng hợp kết quả kinh phí hỗ trợ đề nghị Sở Tài chính thẩm định báo cáo UBND tỉnh xem xét, hỗ trợ; phối hợp Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, các đơn vị liên quan hướng dẫn UBND các xã, thị trấn thực hiện công tác thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

4. UBND các xã, thị trấn

4.1. Xây dựng kế hoạch: Trên cơ sở Quyết định số 43/2021/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh Bình Định; Văn bản số 2401/HDLT-STC-SNNPTNT ngày 14/9/2021 của Sở Tài chính - Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh; diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ giai đoạn 2021 - 2025 các xã, thị trấn đã đăng ký, xây dựng kế hoạch chuyển đổi cây trồng trên đất trồng lúa, trồng mía, trồng sắn hàng năm trình UBND huyện phê duyệt.

4.2. Trình tự, thủ tục và biểu mẫu thanh toán:

- Trình tự: Hộ sản xuất thực hiện chuyển đổi cây trồng trên đất trồng lúa, trồng mía, trồng sắn được UBND cấp xã xác nhận; UBND cấp xã tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ báo cáo về Phòng Nông nghiệp và PTNT, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thẩm định và trình UBND huyện quyết định phân bổ kinh phí hỗ trợ cho UBND cấp xã, thị trấn.

- Hồ sơ bao gồm:

+ Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ hàng năm (xác định rõ vùng chuyển đổi; chuyển đổi cây trồng trên đất trồng lúa, trồng mía, trồng sắn theo các vụ: Đông - Xuân, Hè - Thu, Mùa).

+ Bảng tổng hợp diện tích và kinh phí hỗ trợ giá giống các loại cây trồng cạn chuyển đổi sản xuất trên đất trồng lúa, trồng mía, trồng sắn của UBND cấp xã (mẫu phụ lục 02 kèm theo).

+ Danh sách hộ sản xuất được hỗ trợ giá giống cây trồng cạn chuyển đổi sản xuất trên đất trồng lúa, trồng mía, trồng sắn (mẫu phụ lục 01 kèm theo).

4.3. Số lượng và thời gian gửi hồ sơ:

- Số lượng: Hồ sơ lập thành 04 bộ, gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch (02 bộ) và Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện (02 bộ).

- Thời gian gửi hồ sơ:

+ Kế hoạch chuyển đổi: Trước ngày 20 tháng 01 hàng năm.

+ Hồ sơ đề nghị hỗ trợ vụ Đông - Xuân: Trước ngày 30 tháng 3 hàng năm.

+ Hồ sơ đề nghị hỗ trợ vụ Hè - Thu: Trước ngày 30 tháng 7 hàng năm.

+ Hồ sơ đề nghị hỗ trợ vụ Mùa: Trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

Đề nghị Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn, thủ trưởng các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Sở Tài chính;
- CT, các PCT UBND huyện;
- CVP, PVP, C2;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Khánh

PHỤ LỤC

Đăng ký kế hoạch diện tích chuyển đổi cây trồng, mùa vụ giai đoạn 2021 - 2025
(Kèm theo Văn bản số 265/UBND-KTN ngày 26 tháng 3 năm 2021 của UBND huyện Tây Sơn)

Đơn vị tính: ha

Số TT	Diện tích chuyển đổi	Diện tích chuyển đổi giai đoạn 2016 - 2020 chưa hỗ trợ đủ 3 vụ		Kế hoạch chuyển đổi mới giai đoạn 2021 - 2025	Phân ra các năm				
		Đã hỗ trợ 1 vụ	Đã hỗ trợ 2 vụ		Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Chuyển đổi cây trồng trên đất lúa		38,5	613,0	94,5	136,5	124,0	128,5	129,5
	- Cây ngô			160,0	16,0	36,0	31,0	40,0	37,0
	- Cây lạc		2,5	107,5	12,0	23,5	21,5	23,5	27,0
	- Cây mè		2,0	47,5	7,5	12,5	7,5	7,5	12,5
	- Đậu đỗ			52,1	10,3	10,5	10,3	10,5	10,5
	- Cây rau màu		34,0	224,7	43,2	50,0	49,5	43,5	38,5
	- Cỏ chăn nuôi			21,2	5,5	4,0	4,2	3,5	4,0
2	Chuyển đổi cây trồng trên đất trồng mía		1,0	611,0	101,2	125,7	125,2	130,0	128,9
	- Cây ngô			172,1	16,0	36,8	36,8	37,5	45,0
	- Cây lạc		1,0	207,2	12,3	48,0	48,5	53,5	44,9
	- Cây mè			18,0	4,7	4,2	3,7	2,2	3,2
	- Đậu đỗ			66,3	13,2	13,7	13,2	13,1	13,1
	- Cây rau màu			39,5	12,0	7,5	6,0	7,0	7,0
	- Cỏ chăn nuôi			107,9	43,0	15,5	17,0	16,7	15,7

3	Chuyển đổi cây trồng trên đất trồng sẵn			532,0	121,0	115,0	116,0	100,3	79,7
	- Cây ngô			26,5	5,5	7,0	4,0	5,0	5,0
	- Cây lạc			400,0	90,0	82,0	86,0	80,0	62,0
	- Cây mè			14,8	3,5	3,5	3,8	3,3	0,7
	- Đậu đỗ			4,0	1,0	1,0	1,0	0,5	0,5
	- Cây rau màu			18,7	4,0	4,0	3,7	3,5	3,5
	- Cỏ chăn nuôi			68,0	17,0	17,5	17,5	8,0	8,0
4	Chuyển đổi từ sản xuất 3 vụ lúa/năm sang 2 vụ lúa/năm			0					
	Tổng cộng		39,5	1.756,0	316,7	377,2	365,2	358,8	338,1